

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38/2023/HSST**.

Ngày: 30- 09 -2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng, ông Nguyễn Thế Hằng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HS, ngày 15 tháng 09 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Thị H (tên gọi khác: B), sinh năm 1968, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn P, sinh năm 1941 và con bà Nguyễn Thị L (đã chết); Bị cáo sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968, tại xã V, huyện V, tỉnh Bình Định; bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 20/4/2023 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thuý A, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn An Cư, xã CH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn C, xã EM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

5. Bà Phan Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

6. Bà Lại Thị L, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

7. Bà Đặng Thị Thảo T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

8. Bà Trần Thị L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 1A, xã C, huyện E tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã EM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

10. Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

11. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Buôn M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

14. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn 1A, xã C, huyện E, tỉnh Đ, có đơn xét xử vắng mặt.

15 Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2022, Trương Thị H thấy việc cho vay tiền với lãi suất cao nhanh được thu lợi nên đã nảy sinh ý định đi cho vay tiền để thu lợi bất chính. Do hầu hết những người vay tiền đều vay số tiền ít và thường xuyên gặp mặt buôn bán xung quanh khu vực chợ E nên bị cáo H không cần phải xác minh và không viết giấy vay mượn, không giữ giấy tờ hay tài sản gì của người vay tiền. Trong quá trình hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao bị cáo H sử dụng số điện thoại 034*****009; 093*****001 để liên lạc với người vay. Để quản lý hoạt động cho vay tiền thì bị cáo H có ghi chép lại thông tin người vay tiền vào cuốn sổ tay nhãn hiệu A Thành Đạt, bìa màu trắng, bên ngoài có chữ HELLO để theo dõi.

Lãi suất thì bị cáo H quy định cụ thể như sau: Đối với hình thức vay tiền góp số tiền vay 3.000.000, mỗi ngày đóng 100.000đ, đóng trong 30 ngày và thu thêm từ 3 đến 5 ngày tiền lãi tương đương số tiền lãi thu được là từ 300.000đ đến 500.000đ (lãi suất tương ứng từ 110,6% đến 174%); đối với số tiền vay 5.000.000đ, mỗi ngày đóng 250.000đ, đóng trong 20 ngày và thu tiền lãi từ 2 đến 3 ngày tiền lãi tương đương số tiền lãi thu được từ 500.000đ đến 750.000đ (lãi suất từ 166% đến 238%). Đối với hình thức cho vay tiền đứng thì mức lãi suất bị cáo H cho vay từ 5.000đ đến 15.000đ/1 triệu đồng/1 ngày (lãi suất từ 182,5% đến 547,5%). Trong thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 4/2023, bị cáo H đã trực tiếp cho vay tiền, thu tiền gốc và tiền lãi của nhiều người vay tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Qua điều tra đã xác định được bị cáo H cho 15 người vay có họ tên, địa chỉ và thu lợi bất chính cụ thể như sau:

1. Chị Huỳnh Thúy A (tên thường gọi L), trú tại: Thôn A, xã CH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 091***447 vay 1 lần. Khoảng tháng**

3/2023 vay 3.000.000đ, đóng trong 33 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ. Khi chị A đóng đủ 33 ngày thì bị cáo H sẽ thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 110,6%). Tuy nhiên, khoản vay này chị A mới đóng được 24 ngày với số tiền 2.400.000đ, trong đó số tiền gốc là 2.182.000đ, tiền lãi thu được là 218.000đ. Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 24 ngày là 39.500đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $218.000đ - 39.500đ = 178.500đ$. Chị A còn nợ lại số tiền gốc là 818.000đ.

2. Chị Vũ Thị M, trú tại: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 034**957 vay 8 lần, cụ thể như sau:**

- Với hình thức cho vay tiền góp:

+ **Lần 1:** Ngày 18/8/2022 vay 5.000.000đ, đóng trong 23 ngày, mỗi ngày đóng 250.000đ. Khoản vay này chị M đóng đủ 23 ngày, bị cáo H đã thu được 750.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 238%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 23 ngày là 63.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $750.000đ - 63.000đ = 687.000đ$. (bút lục số 244).

+ **Lần 2:** Ngày 07/11/2022 vay 4.000.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này chị M đã đóng đủ 22 ngày, bị cáo H đã thu được 400.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 166%). Số tiền theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 48.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 48.000đ = 352.000đ$

+ **Lần 3:** Ngày 09/12/2022 vay 3.000.000đ, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 130.000đ. Khoản vay này chị M đóng đủ 30 ngày, bị cáo H đã thu được 900.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 365%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 49.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $900.000đ - 49.000đ = 851.000đ$ (Bút lục số 245)

+ **Lần 4:** Ngày 09/01/2023 vay 5.000.000đ, đóng trong 33 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này chị M đóng đủ 30 ngày, bị cáo H đã thu được 1.600.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 354%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 33 ngày là 90.400đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $1.600.000đ - 90.400đ = 1.509.600đ$ (bút lục số 246)

+ **Lần 5:** Ngày 24/01/2023 vay 3.000.000đ, đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 130.000đ. Khoản vay này chị M đóng đủ 30 ngày, bị cáo H đã thu được 900.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 365%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 49.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $900.000đ - 49.000đ = 851.000đ$ (bút lục số 247)

+ **Lần 6:** Ngày 04/3/2023 vay 5.000.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 250.000đ. Khoản vay này chị M đóng đủ 22 ngày, bị cáo H đã thu được 500.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 166%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 60.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 60.300đ = 439.700đ$ (bút lục số 248)

+ **Lần 7:** Ngày 04/4/2023 vay 6.000.000đ, đóng trong 28 ngày, mỗi ngày đóng 250.000đ. Khoản vay này chị M đóng đủ 28 ngày, bị cáo H đã thu được 6.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 217,2%). Khoản vay này chị M đã đóng được 9 ngày với số tiền 2.250.000đ, trong đó số tiền gốc là 1.928.700đ, tiền lãi là 321.300đ. Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 9 ngày là 29.600đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $321.300đ - 29.600đ = 291.700đ$. Hiện chị M còn nợ lại số tiền gốc là 4.071.300đ. (Bút lục 249)

- Với hình thức cho vay tiền đứng: Ngày 17/8/2022 vay 2.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 10.000đ/1 triệu đồng/1 ngày (Lãi suất tương ứng 365%). Khoản vay này chị M đóng được 80 ngày tiền lãi là 1.600.000đ còn tiền gốc thì chị M vay thêm 2.000.000đ và chuyển thành trả góp theo khoản vay ngày 07/11/2022. Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 80 ngày là 87.700đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $1.600.000đ - 87.700đ = 1.512.300đ$ (bút lục số 250).

Như vậy bị cáo H đã cho chị M vay tổng cộng 08 lần tổng số tiền 33.000.000đ cho vay quá lãi suất quy định và thu được 7.650.000đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền là **7.173.000đ**, chị M còn nợ lại bị cáo H số tiền 4.071.300đ.

3. Chị Nguyễn Thị L3, trú tại: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 084**721 vay 4 lần cụ thể như sau:**

- Với hình thức cho vay tiền góp:

+ **Lần 1:** Ngày 22/10/2022 vay 5.000.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 250.000đ. Khoản vay này L3 đóng đủ 22 ngày, bị cáo H đã thu được 500.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 166%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 60.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 60.300đ = 439.700đ$.

+ **Lần 2:** Ngày 25/01/2023 vay 3.000.000đ, đóng trong 33 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ. Khoản vay này L3 đóng đủ 33 ngày, bị cáo H đã thu được 300.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 110,6%). Khoản vay này L3 đã đóng đủ 33 ngày, bị cáo H đã thu được 300.000đ tiền lãi. Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 33 ngày là 54.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 54.200đ = 245.800đ$. (bút lục số 221).

+ **Lần 3:** Ngày 11/3/2023 vay 6.000.000đ, đóng trong 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000đ. Khoản vay này L3 đóng đủ 26 ngày, bị cáo H đã thu được 500.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 117%). Khoản vay này L3 đã đóng đủ 26 ngày, bị cáo H đã thu được số tiền lãi là 500.000đ. Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 26 ngày là 85.500đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 85.500đ = 414.500đ$ (bút lục số 219).

- Với hình thức cho vay tiền đứng: Ngày 22/10/2022 vay 6.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 15.000đ/1 triệu đồng/1 ngày (lãi suất tương ứng là 547,5%). Khoản vay này L3 đã trả tiền gốc là 6.000.000đ tiền gốc và đóng được 23 ngày tiền lãi là 2.070.000đ. Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 23 ngày là 75.600đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $2.070.000đ - 75.600đ = 1.994.400đ$ (bút lục số 220).

Như vậy bị cáo H đã cho chị Nguyễn Thị L3 vay 04 lần với số tiền 20.000.000đ, thu được 3.370.000đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền là **3.094.400đ**.

4. Chị Phạm Thị P, trú tại: Thôn C, xã EM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 056**764. Bị cáo H cho Phạm Thị P vay 06 lần, trong đó chỉ có một lần vay vào ngày 25/3/2023 là lãi suất quá quy định, cụ thể như sau:**

Ngày 25/3/2023 vay 2.000.000đ, đóng trong 14 ngày, mỗi ngày đóng 150.000đ. Khi Phạm Thị P đóng đủ 14 ngày, bị cáo H đã thu được 2.000.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng 130,4%). Khoản vay này Phạm Thị P đã đóng đủ 14 ngày, bị cáo H đã thu được 100.000đ tiền lãi. Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 14 ngày là 15.400đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $100.000đ - 15.400đ = 84.600đ$.

5. Chị Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 091**746 vay 14 lần quá lãi suất quy định, cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Ngày 08/8/2022 vay 2.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 22 ngày, bị cáo H đã thu được 2.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 166%). Số tiền lãi theo quy định của nhà nước trong 22 ngày là 24.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 24.000đ = 176.000đ$ (bút lục số 229).

- **Lần 2:** Ngày 18/10/2022 vay 5.000.000đ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 30 ngày, bị cáo H đã thu được 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 243,3%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 82.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $1.000.000đ - 82.200đ = 917.800đ$ (bút lục số 232)

- **Lần 3:** Ngày 04/11/2022 vay 5.000.000đ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 30 ngày, bị cáo H thu được 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 243,3%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 82.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $1.000.000đ - 82.200đ = 917.800đ$.

- **Lần 4:** Ngày 14/12/2022 vay 5.000.000đ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 30 ngày, bị cáo H thu được 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 243,3%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 82.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $1.000.000đ - 82.200đ = 917.800đ$ (bút lục số 236)

- **Lần 5:** Ngày 16/8/2022 vay 6.000.000đ đóng trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 120.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 100 ngày, bị cáo H thu được 6.000.000đ tiền gốc và 6.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 365%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 100 ngày là 328.800đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $6.000.000đ - 328.800đ = 5.671.200đ$ (bút lục số 229)

- **Lần 6:** Ngày 02/10/2022 vay 2.000.000đ đóng trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 40.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 100 ngày bị cáo H thu được 2.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 365%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 100 ngày là 109.600đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $2.000.000đ - 109.600đ = 1.890.400đ$ (bút lục số 230)

- **Lần 7:** Ngày 18/11/2022 vay 3.000.000đ đóng trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 60.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 100 ngày, bị cáo H thu được 3.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 365%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 100 ngày là 164.400đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $3.000.000đ - 164.400đ = 2.835.600đ$ (bút lục số 233)

- **Lần 8:** Ngày 27/12/2022 vay 10.000.000đ đóng trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đóng đủ 100 ngày, bị cáo H đã thu được 10.000.000đ tiền gốc và 10.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 365%). Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng được 90 ngày với số tiền 18.000.000đ trong đó tiền gốc là 9.000.000đ, tiền lãi là 9.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định trong 90 ngày là 493.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $9.000.000đ - 493.200đ = 8.506.800đ$. Nguyễn Thị T còn nợ bị cáo H 1.000.000đ tiền gốc (bút lục số 235)

- **Lần 9:** Ngày 15/9/2022, vay số tiền 2.000.000đ, đóng trong vòng 40 ngày, mỗi ngày đóng 60.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 40 ngày, bị cáo H thu được 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (lãi suất 182,5%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 40 ngày là 43.800đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 43.800đ = 356.200đ$ (228)

- **Lần 10:** Ngày 23/11/2022, vay 1.000.000đ, đóng trong 30 ngày mỗi ngày đóng 40.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 30 ngày, bị cáo H

thu được 1.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (Lãi suất 243,3%). Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 16.400đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 16.400đ = 183.600đ$ (bút lục số 231)

- **Lần 11:** Ngày 05/12/2022, vay 4.000.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 22 ngày, bị cáo H thu được 4.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (lãi suất 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 48.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 48.200đ = 351.800đ$ (231)

- **Lần 12:** Ngày 11/12/2022, vay 3.000.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày 150.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 22 ngày, bị cáo H thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 36.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 36.200đ = 263.800đ$ (bút lục số 231)

- **Lần 13:** Ngày 24/3/2023, vay 3.000.000đ trong 22 ngày, mỗi ngày góp 150.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 22 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 36.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 36.200đ = 263.800đ$ (bút lục 237)

- **Lần 14:** Ngày 05/4/2023, vay 5.000.000đ, trong 22 ngày, mỗi ngày 250.000đ. Khoản vay này Nguyễn Thị T đã đóng đủ 22 ngày, bị cáo H đã thu được 5.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi (Lãi suất 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 60.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $500.000đ - 60.300đ = 439.700đ$ (bút lục số 238)

Như vậy bị cáo H đã cho chị Nguyễn Thị T vay 14 lần quá lãi suất quy định với tổng số tiền 56.000.000đ, thu được 25.300.000đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **23.724.900đ**. Nguyễn Thị T còn nợ bị cáo H 1.000.000đ tiền gốc

6. Chị Phan Thị H, trú tại: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 088**352 vay 02 lần quá lãi suất quy định, cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Tháng 2/2023 vay 5.000.000đ đóng trong 27 ngày, mỗi ngày đóng 200.000đ. Khoản vay này Phan Thị H đã đóng đủ 27 ngày, bị cáo H đã thu

được 5.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 108,2%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 27 ngày là 74.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính $400.000đ - 74.000đ = 326.000đ$. (bút lục số 203)

- **Lần 2:** Tháng 3/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 150.000đ. Khi Phan Thị H đóng đủ 22 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 166%). Khoản vay này Phan Thị H đã đóng được 05 ngày với số tiền 750.000đ, trong đó có 68.200đ tiền lãi và 681.800đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 5 ngày là 8.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $68.200đ - 8.200đ = 60.000đ$. Phan Thị H còn nợ bị cáo H số tiền 2.318.200đ (bút lục số 203)

Như vậy bị cáo H đã cho chị Phan Thị H vay 02 lần quá lãi suất quy định với số tiền 8.000.000đ, thu được 468.200đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **386.000đ**, Phan Thị H còn nợ bị cáo H số tiền **2.318.200đ**

7. Chị Lại Thị L, trú tại: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 094**007 vay 2 lần quá lãi suất quy định, cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Tháng 3/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 33 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ. Khi Lại Thị Liệu đóng đủ 33 ngày thì bị cáo H sẽ thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 110,6%). Khoản vay này Lại Thị Liệu đã đóng được 16 ngày với số tiền 1.600.000đ, trong đó có 145.500đ tiền lãi và 1.454.500đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 16 ngày là 26.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $145.500 - 26.300đ = 119.200đ$, Lại Thị Liệu còn nợ bị cáo H **1.545.500đ** tiền gốc

- **Lần 2:** Tháng 4/2023 vay 1.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 50.000đ. Khi Lại Thị Liệu đóng đủ 22 ngày bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 166%). Khoản vay này Lại Thị Liệu đã đóng 7 ngày với số tiền 350.000đ, trong đó có 31.800đ tiền lãi và 318.200đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 7 ngày là 3.800đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $31.800đ - 3.800đ = 28.000đ$, Lại Thị Liệu còn nợ bị cáo H **681.800đ tiền gốc**.

Như vậy bị cáo H đã cho chị Lại Thị L vay 02 lần quá lãi suất quy định với số tiền 4.000.000đ, thu được 177.300đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **147.200đ**, Lại Thị Liệu còn nợ bị cáo H **2.227.300đ**

8. Chị Đặng Thị Thảo T, trú tại: Thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 086**669 vay 7 lần, cụ thể như sau:**

- Lần thứ nhất: Ngày 21/02/2023, vay số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo hình thức trả góp, trả trong vòng 20 ngày, mỗi ngày trả 120.000đ (Một trăm hai mươi ngàn đồng). Khoản vay này Đặng Thị Thảo T đóng được 18 ngày (đến ngày 08/3/2023) với số tiền 2.160.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ lại là 240.000đ và chỉ đưa lại cho Đặng Thị Thảo T số tiền 1.760.000đ. Như vậy khoản vay này Đặng Thị Thảo T đã trả đủ cả gốc và lãi trong 18 ngày, bị cáo H thu được 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (Lãi suất 405,6%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 18 ngày là 19.700đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 19.700đ = \mathbf{380.300đ}$

- Lần 2: Ngày 08/3/2023, là khoản vay đáo hạn của khoản vay 1, Đặng Thị Thảo T vay 2.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 1.760.000đ, trả trong vòng 20 ngày, mỗi ngày trả 120.000đ. Khoản vay này Đặng Thị Thảo T đóng được 16 ngày (đến ngày 24/3/2023) được 1.920.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 480.000đ và chỉ đưa cho Đặng Thị Thảo T 1.520.000đ. Như vậy khoản vay này Đặng Thị Thảo T đã đóng đủ trong 16 ngày, bị cáo H đã thu được 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (Lãi suất 456,25%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 16 ngày là 17.500đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 17.500đ = \mathbf{382.500đ}$ (Bút lục số 268)

- Lần 3: Ngày 24/3/2023, là khoản vay đáo hạn của khoản vay 2, Đặng Thị Thảo T vay 2.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 1.520.000đ, trả trong vòng 20 ngày, mỗi ngày trả 120.000đ. Khoản vay này Đặng Thị Thảo T đóng được 18 ngày (đến ngày 11/4/2023) được 2.160.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 240.000đ và chỉ đưa lại cho Đặng Thị Thảo T số tiền 1.760.000đ. Như vậy khoản vay này Đặng Thị Thảo T đã đóng đủ trong 18 ngày, bị cáo H thu được 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (Lãi suất 405,6%). Lãi theo quy định của

Nhà nước trong 18 ngày là 19.700đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 19.700đ = \mathbf{380.300đ}$ (bút lục số 266).

- Lần 4: Ngày 11/4/2023, là khoản vay đáo hạn của khoản vay 3, Đặng Thị Thảo T vay 2.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 1.760.000đ, trả trong vòng 20 ngày, mỗi ngày trả 120.000đ. Khi Đặng Thị Thảo T đóng đủ 20 ngày thì bị cáo H thu được 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (Lãi suất 365%). Khoản vay này Đặng Thị Thảo T đóng được 01 ngày với số tiền 120.000đ gồm 20.000đ tiền lãi và 100.000đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 01 ngày là 1.100đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $20.000đ - 1.100đ = \mathbf{18.900đ}$. Hiện Đặng Thị Thảo T còn nợ lại 1.900.000đ tiền gốc (bút lục số 268).

- Lần 5: Ngày 02/3/2023, vay số tiền 2.000.000đ, theo hình thức trả góp, trả trong vòng 20 ngày, mỗi ngày trả 120.000đ. Khoản vay này Đặng Thị Thảo T đóng được 16 ngày (đến ngày 18/3/2023) được 1.920.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 480.000đ và chỉ đưa cho Đặng Thị Thảo T 1.520.000đ. Như vậy khoản vay này Đặng Thị Thảo T đã đóng đủ trong 16 ngày, bị cáo H đã thu được 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (Lãi suất 456,25%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 16 ngày là 17.500đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 17.500đ = \mathbf{382.500đ}$ (bút lục số 267)

- Lần 6: Ngày 18/3/2023, là khoản vay đáo hạn của lần vay 5, Đặng Thị Thảo T vay 2.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 1.520.000đ, trả trong vòng 20 ngày, mỗi ngày trả 120.000đ. Khoản vay này Đặng Thị Thảo T đóng được 17 ngày (đến ngày 04/4/2023) được 2.040.000đ thì đáo hạn khoản vay thành vay 3.000.000đ, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 360.000đ và chỉ đưa cho Đặng Thị Thảo T 2.640.000đ. Như vậy khoản vay này Đặng Thị Thảo T đã đóng đủ trong 17 ngày, bị cáo H đã thu được 2.000.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi (Lãi suất 429,4%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 17 ngày là 18.600đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $400.000đ - 18.600đ = \mathbf{381.400đ}$ (bút lục số 266)

- Lần 7: Ngày 04/4/2023, là khoản vay đáo hạn của lần vay 6, Đặng Thị Thảo T vay 3.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 2.640.000đ, đóng trong 20 ngày, mỗi ngày đóng 180.000đ. Khi Đặng Thị Thảo T đóng đủ 20 ngày thì bị cáo H sẽ

thu được 3.000.000đ tiền gốc và 600.000đ tiền lãi (Lãi suất 365%). Khoản vay này Đặng Thị Thảo T đóng được 08 ngày được 1.440.000đ, trong đó có 240.000đ tiền lãi và 1.200.000đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 08 ngày là 13.200đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $240.000đ - 13.200đ = 226.800đ$. Hiện Đặng Thị Thảo T còn nợ lại 1.800.000đ. Như vậy, bị cáo H đã cho chị Đặng Thị Thảo T vay 07 lần quá lãi suất quy định với số tiền 15.000.000đ, thu được 2.260.800đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **2.153.500đ**, chị Đặng Thị Thảo T còn nợ lại bị cáo H số tiền 3.700.000đ tiền gốc.

9. Chị Trần Thị L, trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 079**140 vay 8 lần quá lãi suất quy định, cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Tháng 01/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 150.000đ. Khoản vay này Trần Thị L đóng được 20 ngày được 3.000.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 300.000đ và chỉ đưa cho Trần Thị L 2.700.000đ. Như vậy khoản vay này Trần Thị L đã đóng đủ trong 20 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất 182,5%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 20 ngày là 32.900đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 32.900đ = 267.100đ$.

- **Lần 2:** Tháng 02/2023, là khoản vay đáo hạn của khoản 1, Trần Thị L vay 3.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 2.700.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 150.000đ. Khoản vay này Trần Thị L đóng được 18 ngày được 2.700.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 600.000đ và chỉ đưa cho Trần Thị L 2.400.000đ. Như vậy khoản vay này Trần Thị L đã đóng đủ trong 18 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất 202,8%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 18 ngày là 29.600đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 29.600đ = 270.400đ$.

- **Lần 3:** Cuối tháng 02/2023, là khoản vay đáo hạn của khoản 2, Trần Thị L vay 3.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 2.400.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 150.000đ. Khoản vay này Trần Thị L đóng được 16 ngày được 2.400.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 900.000đ và chỉ đưa cho Trần Thị L 2.100.000đ. Như vậy khoản vay này Trần Thị L đã đóng đủ trong 16 ngày, bị

cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất 228,1%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 16 ngày là 26.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 26.300đ = 273.700đ$.

- **Lần 4:** Tháng 3/2023, là khoản vay đáo hạn của khoản 3, Trần Thị L vay 3.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 2.100.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 150.000đ. Khoản vay này Trần Thị L đóng được 16 ngày được 2.400.000đ thì đáo hạn khoản vay, bị cáo H trừ số tiền còn nợ là 900.000đ và chỉ đưa cho Trần Thị L 2.100.000đ. Như vậy khoản vay này Trần Thị L đã đóng đủ trong 16 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất 228,1%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 16 ngày là 26.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 26.300đ = 273.700đ$

- **Lần 5:** Ngày 25/3/2023 là khoản vay đáo hạn của khoản 4, Trần Thị L vay 3.000.000đ nhưng bị cáo H chỉ đưa 2.100.000đ, đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 150.000đ. Khi chị Trần Thị L đóng đủ 22 ngày, bị cáo H sẽ thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 166%). Khoản vay này chị Trần Thị L đã đóng được 07 ngày với số tiền 1.050.000đ, trong đó tiền lãi là 95.500đ, tiền gốc là 954.500đ. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 07 ngày là 11.500đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $95.500đ - 11.500đ = 84.000đ$. Chị Trần Thị L còn nợ lại 2.045.500đ.

- **Lần 6:** Ngày 02/4/2023 vay 1.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 50.000đ. Khi chị Trần Thị L đóng đủ 22 ngày, bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 166%). Khoản vay này chị Trần Thị L đã đóng được 11 ngày với số tiền 550.000đ, trong đó tiền lãi là 50.000đ, tiền gốc là 500.000đ. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 11 ngày là 6.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $50.000đ - 6.000đ = 44.000đ$. Chị Trần Thị L còn nợ lại 500.000đ.

- **Lần 7:** Ngày 3/4/2023 vay 1.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 50.000đ. Khi chị Trần Thị L đóng đủ 22 ngày, bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 166%). Khoản vay này chị Trần Thị L đã đóng được 10 ngày với số tiền 500.000đ, trong đó tiền lãi là

45.500đ, tiền gốc là 454.500đ. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 10 ngày là 5.500đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $45.500 - 5.500 = 40.000\text{đ}$. Chị Trần Thị L còn nợ lại 545.500đ.

- **Lần 8:** Ngày 10/4/2023 vay 1.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày đóng 50.000đ. Khi chị Trần Thị L đóng đủ 22 ngày, bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng là 166%). Khoản vay này chị Trần Thị L đã đóng được 02 ngày với số tiền 100.000đ, trong đó tiền lãi là 9.000đ, tiền gốc là 91.000đ. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 02 ngày là 1.100đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $9.000\text{đ} - 1.100\text{đ} = 7.900\text{đ}$. Chị Trần Thị L còn nợ lại 909.000đ.

Như vậy, bị cáo H đã cho chị Trần Thị L vay 08 lần quá lãi suất quy định với số tiền 18.000.000đ, thu được 1.400.000đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **1.260.800đ**. Chị Trần Thị L còn nợ bị cáo H 4.000.000đ tiền gốc.

10. Chị Nguyễn Thị Kim Đ, trú tại: Thôn Đ, xã EM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 094**422 vay 05 lần, cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Ngày 03/2/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày 130.000đ. Khoản vay này đã đóng đủ 30 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 900.000đ (Lãi suất tương ứng là 365%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 49.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $900.000\text{đ} - 49.300\text{đ} = 850.700\text{đ}$ (bút lục số 193)

- **Lần 2:** Ngày 07/2/2023 vay 2.000.000đ đóng trong 20 ngày, mỗi ngày 100.000đ. Khoản vay này chị Đ đã đóng đủ 20 ngày, bị cáo H đã thu được tiền gốc là 2.000.000đ và thu 200.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng 182,5%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 20 ngày là 22.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $200.000\text{đ} - 22.000\text{đ} = 178.000\text{đ}$ (bút lục số 193)

- **Lần 3:** Ngày 20/2/2023 vay 6.000.000đ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày 250.000đ. Khoản vay này đã đóng đủ 30 ngày, bị cáo H đã thu được số tiền gốc là 6.000.000đ, tiền lãi là 1.500.000đ (Lãi suất tương ứng 304,2%). Lãi suất cao nhất theo quy định trong 30 ngày là 131.400đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $1.500.000\text{đ} - 131.400\text{đ} = 1.368.600\text{đ}$ (bút lục số 193.)

- **Lần 4:** Ngày 13/3/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày 120.000đ. Khoản vay này đã đóng đủ 30 ngày, bị cáo H đã thu được số tiền gốc là 3.000.000đ, tiền lãi là 600.000đ (Lãi suất tương ứng là 243,3%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 30 ngày là 49.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $600.000đ - 49.300đ = 550.700đ$ (bút lục số 194)

- **Lần 5:** Ngày 28/3/2023 vay 5.000.000đ đóng trong 30 ngày, mỗi ngày 200.000đ. Khi đóng đủ 30 ngày bị cáo H sẽ thu được 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 243,4%). Khoản vay này đã được 02 ngày với số tiền 400.000đ, trong đó có 66.700đ tiền lãi và 333.300đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 02 ngày là 5.500đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $66.700đ - 5.500đ = 61.200đ$. Chị Đ còn nợ lại 4.666.700đ tiền gốc (bút lục số 194).

Như vậy bị cáo H đã cho chị Nguyễn Thị Kim Đ vay 05 lần quá lãi suất quy định với số tiền 19.000.000đ, thu được 3.266.700đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **3.009.200đ**, chị Đ còn nợ lại 4.666.700đ tiền gốc.

11. Chị Võ Thị Kim L, trú tại: TDP 2, TT Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 085**491, vay 02 lần, cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Ngày 23/8/2022 vay 2.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày 100.000đ. Khoản vay này Võ Thị Kim L đóng đủ 22 ngày, bị cáo H thu được số tiền gốc là 2.000.000đ và tiền lãi là 200.000đ (Lãi suất tương ứng là 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 24.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 24.000đ = 176.000đ$ (bút lục số 277).

- **Lần 2:** Ngày 11/3/2023 vay 2.000.000đ đóng trong 22 ngày, mỗi ngày 100.000đ. Khoản vay này Võ Thị Kim L đóng đủ 22 ngày nên bị cáo H thu được số tiền gốc là 2.000.000đ và tiền lãi là 200.000đ (Lãi suất tương ứng là 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 24.000đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 24.000đ = 176.000đ$ (bút lục số 278).

Như vậy bị cáo H đã cho chị Võ Thị Kim L vay 02 lần vượt quá lãi suất quy định với số tiền 4.000.000đ, thu được 400.000đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **352.000đ**.

12. Chị Trịnh Thị H, trú tại: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại 081**197 vay 3 lần, cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Tháng 01/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 33 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ. Khoản vay này chị H đóng đủ 33 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 110,6%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 33 ngày là 54.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 54.300đ = 245.700đ$.

- **Lần 2:** Tháng 02/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 33 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ. Khoản vay này chị Trịnh Thị H đóng đủ 33 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 110,6%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 33 ngày là 54.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 54.300đ = 245.700đ$.

- **Lần 3:** Tháng 3/2023 vay 3.000.000đ đóng trong 33 ngày, mỗi ngày đóng 100.000đ. Khoản vay này chị Trịnh Thị H đóng đủ 33 ngày, bị cáo H đã thu được 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng là 110,6%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 33 ngày là 54.300đ, như vậy bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $300.000đ - 54.300đ = 245.700đ$.

Như vậy bị cáo H đã cho chị Trịnh Thị H vay 03 lần quá lãi suất quy định với số tiền 9.000.000đ, thu được 900.000đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **737.100đ**.

13. Bà Nguyễn Thị Kim C (Sinh năm 1948, trú tại buôn M, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk) vay 01 lần, cụ thể: Ngày 17/8/2022 vay 1.000.000đ, mỗi ngày góp 50.000đ trong 22 ngày. Bà C đã trả đủ cả gốc và lãi trong 22 ngày, bị cáo H đã thu được 1.000.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 22 ngày là 12.000đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $100.000đ - 12.000đ = 88.000đ$ (bút lục số 287)

14. Bà Trần Thị L2 (sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã C, huyện E, Đắk Lắk) vay 07 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 04/10/2022 vay 1.000.000đ, mỗi ngày góp 30.000đ trong vòng 40 ngày. Khoản vay này Trần Thị L2 đóng trong thời gian 44 ngày, bị cáo H

thu được 1.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (lãi suất 166%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 44 ngày là 24.100đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $200.000đ - 24.100đ = 175.900đ$ (283)

- Lần 2: Ngày 23/12/2022 vay 1.000.000đ, mỗi ngày góp 40.000đ trong vòng 30 ngày. Khoản vay này Trần Thị L2 đóng trong 37 ngày được số tiền 800.000đ (Lãi suất 197,3%) gồm 160.000đ tiền lãi và 640.000đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 37 ngày là 20.300đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $160.000đ - 20.300đ = 139.700đ$. Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H 360.000đ tiền gốc (bút lục số 283).

- Lần 3: Ngày 27/12/2022 vay 1.000.000đ, mỗi ngày góp 30.000đ trong vòng 40 ngày. Khi Liên đóng đủ 40 ngày bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (Lãi suất 182,5%). Khoản vay này Liên đóng được 750.000đ trong thời gian 37 ngày gồm 185.000đ tiền lãi và 565.000đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 37 ngày là 20.300đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $185.000đ - 20.300đ = 164.700đ$. Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H 435.000đ tiền gốc (bút lục số 281).

- Lần 4: Ngày 13/02/2023 vay 1.000.000đ, mỗi ngày góp 50.000đ trong thời gian 24 ngày. Khi Trần Thị L2 đóng đủ 24 ngày bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (Lãi suất 304,2%). Khoản vay này Trần Thị L2 đóng được số tiền 900.000đ trong thời gian 19 ngày gồm 158.300đ tiền lãi và 741.700đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 19 ngày là 10.400đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $158.300đ - 10.400đ = 147.900đ$. Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H 258.300đ tiền gốc (bút lục số 282).

- Lần 5: Ngày 04/3/2023 vay 1.000.000đ, mỗi ngày góp 50.000đ trong thời gian 24 ngày. Khi Trần Thị L2 đóng đủ 24 ngày bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (Lãi suất 304,2%). Khoản vay này Trần Thị L2 đóng được số tiền 650.000đ trong thời gian 14 ngày gồm 116.700đ tiền lãi và 533.300đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 14 ngày là 7.700đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $116.700đ - 7.700đ = 109.000đ$. Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H 466.700đ tiền gốc.

- Lần 6: Ngày 17/3/2023 vay số tiền 1.000.000đ, mỗi ngày góp 50.000đ trong thời gian 24 ngày. Khi Trần Thị L2 đóng đủ 24 ngày bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (Lãi suất 304,2%). Khoản vay này Trần Thị L2 đóng được số tiền 750.000đ trong thời gian 16 ngày gồm 133.400đ tiền lãi và 616.600đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 16 ngày là 8.800đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $133.400đ - 8.800đ = 124.600đ$. Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H 383.400đ tiền gốc (bút lục số 282).

- Lần 7: Ngày 21/3/2023 vay số tiền 1.000.000đ, mỗi ngày góp 50.000đ trong thời gian 24 ngày. Khi Trần Thị L2 đóng đủ 24 ngày bị cáo H sẽ thu được 1.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (Lãi suất 304,2%). Khoản vay này Trần Thị L2 đóng được số tiền 1.000.000đ trong thời gian 20 ngày gồm 166.800đ tiền lãi và 833.200đ tiền gốc. Lãi theo quy định của Nhà nước trong 20 ngày là 11.000đ, bị cáo H đã thu lợi bất chính số tiền $166.800đ - 11.000đ = 155.800đ$. Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H 166.800đ tiền gốc (bút lục số 284).

Tổng cộng 7 lần vay Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H 2.070.000đ tiền gốc, số tiền này Trần Thị L2 đã trả đủ cho bị cáo H và bị cáo H không thu lãi với số tiền này.

Như vậy bị cáo H đã cho Trần Thị L2 vay 7 lần với tổng số tiền gốc là 7.000.000đ, thu được 1.120.200đ tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính số tiền **1.017.600đ**.

15. Ông Phạm Hữu T (Sinh năm 1970, trú tại thôn A, xã C, huyện E, Đắc Lắc) vay 01 lần, trong đó có 01 lần quá lãi suất quy định, cụ thể: Ngày 23/8/2022 âm lịch vay số tiền 1.000.000đ, ngày góp 70.000đ trong thời hạn 15 ngày. Khoản vay này ông T đóng đủ 15 ngày, bị cáo H thu được 1.000.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất 121,7%). Lãi theo quy định của Nhà nước trong 15 ngày là 8.200đ, bị cáo H thu lợi bất chính số tiền $50.000đ - 8.200đ = 41.800đ$. (bút lục số 290).

Như vậy, bị cáo Trương Thị H đã cho 15 người nêu trên vay tổng số tiền là 200.000.000đ, với mức lãi suất cho vay từ 110,6%/1 năm đến 547,5%/năm, tổng số tiền lãi thu được là 46.781.200đ. Sau khi khấu trừ mức lãi suất 20%/1 năm, tương ứng

với số tiền là 3.332.600đ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì tổng số tiền lãi thu lợi bất chính bị cáo đã thu được là 43.448.600đ.

Hiện bà Huỳnh Thuý A còn nợ bị cáo H số tiền gốc là 818.000đ; bà Vũ Thị M còn nợ bị cáo H số tiền 4.071.300đ; bà Nguyễn Thị T còn nợ Bị cáo H 1.000.000đ; bà Phan Thị H còn nợ bị cáo H số tiền 2.318.200đ; bà Lại Thị L còn nợ bị cáo H 2.227.300đ; bà Đặng Thị Thảo T còn nợ Bị cáo H số tiền 3.700.000đ; bà Trần Thị L còn nợ bị cáo H 4.000.000đ; Bà Nguyễn Thị Kim Đ còn nợ số tiền 4.666.700đ và Trần Thị L2 còn nợ bị cáo H số tiền: 2.070.200đ. Tổng số tiền là: 24.871.500đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03, màu xanh, số IMEI 1: 353976315819338; IMEI 2: 354550375819337; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 034*****009 số seri 8984048000016762675; gắn thẻ sim mạng Mobiphone, số thuê bao 093*****001 số seri 8401180833468444.

- 01 (một) cuốn sổ nhãn hiệu “A Thành Đạt” phong nền màu đỏ chữ màu trắng trên bìa có dòng chữ Hello bên trong có ghi tên người vay, số tiền vay và những con số thể hiện nội dung việc cho nhiều người vay tiền.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKS-P2 ngày 14 tháng 09 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trương Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Thị H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng số 39/CT-VKS-P2 ngày 14 tháng 09 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã công bố, cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện K, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trương Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1

Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Thị H 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Các biện pháp tư pháp:

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị truy thu đối với bị cáo Trương Thị H số tiền gốc đã thu là 175.128.500 đồng để sung công quỹ Nhà nước và truy thu buộc bị cáo phải nộp đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 3.332.600 đồng để sung công quỹ Nhà nước;

Đối với tiền lãi suất với mức lãi suất trên 20%/năm mà bị cáo H đã nhận của những người cho vay 43.448.600 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính, cần trả cho những người đi vay là phù hợp.

Buộc những người đã vay tiền phải nộp số tiền đã vay mà chưa trả cho bị cáo H để sung công quỹ Nhà nước, với tổng số tiền 24.871.500 đồng để sung công quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

1. Bà Huỳnh Thuý A, phải nộp số tiền 818.000đ.
2. Bà Vũ Thị M, phải nộp số tiền 4.071.300đ.
3. Bà Nguyễn Thị T, phải nộp số tiền 1.000.000đ.
4. Bà Phan Thị H, phải nộp số tiền 2.318.000đ.
5. Bà Lại Thị L, phải nộp số tiền số tiền 2.227.300đ.
6. Bà Đặng Thị Thảo T, phải nộp số tiền 3.700.000đ.
7. Bà Trần Thị L, phải nộp số tiền 4.000.000đ
- 8 Bà Nguyễn Thị Kim Đ, phải nộp số tiền 4.666.700đ.
9. Bà Trần Thị L2, số tiền 2.070.200đ.

+ Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03, màu xanh, số IMEI 1: 353976315819338; IMEI 2: 354550375819337; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 034****009 số seri 8984048000016762675; gắn thẻ sim mạng Mobiphone, số thuê bao 093****001 số seri 8401180833468444.

Đối với 01 (một) cuốn sổ nhãn hiệu “A Thành Đạt” phong nền màu đỏ chữ màu trắng trên bìa có dòng chữ Hello bên trong có ghi tên người vay, số tiền vay và những con số thể hiện nội dung việc cho nhiều người vay tiền là tang vật của vụ án, cần tiếp tục lưu theo hồ sơ.

Bị cáo Trương Thị H không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, HĐXX xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 04/2023 Trương Thị H đã cho 15 người vay với lãi suất gấp trên 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Cụ thể cho vay với mức lãi từ 110,6%/năm đến 547,5%/năm với tổng số tiền gốc là 200.000.000đ, tiền lãi thu lợi bất chính bị cáo đã thu được là 43.448.600đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng). Do đó, quyết định truy tố

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Trương Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý về kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phải biết được rằng hành vi cho vay nặng lãi là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng vì mục đích hám lợi nên bị cáo mới thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự để xử phạt hình phạt bổ sung đối với bị cáo H số tiền 40.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước nên bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

[6.1]. Xử lý vật, tiền liên quan đến tội phạm:

- Tuyên truy thu buộc bị cáo Trương Thị H phải nộp số tiền để sung công quỹ Nhà nước, bao gồm: Số tiền cho vay đã thu được là 175.128.500đ (một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng) và số tiền tương ứng mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự là 20%/năm đã thu của người vay là 3.332.600đ (ba triệu ba trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng). Tổng cộng là 178.461.100đ (một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn một trăm đồng).

Buộc bị cáo Trương Thị H phải trả cho những người vay tiền số tiền thu lợi bất chính là 43.448.600đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng, cụ thể như sau:

1. Bà Huỳnh Thuý A, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn A, xã CH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 178.500đ.

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 7.173.000đ.

3. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 3.094.400đ.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn C, xã EM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 84.600đ.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 23.724.900đ.

6. Bà Phan Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 386.000đ.

7. Bà Lại Thị L, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 147.200đ.

8. Bà Đặng Thị Thảo T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 2.153.500đ.

9. Bà Trần Thị L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 1.260.800đ

10. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, số tiền 3.009.200đ.

11. Bà Võ Thị Kim L, số tiền 352.000đ.

12. Bà Trịnh Thị H, số tiền 737.100đ.

13. Bà Nguyễn Thị Kim C, số tiền 88.000đ.

14. Bà Trần Thị L2, số tiền 1.017.600đ.

15 Ông Phạm Hữu T, số tiền 41.800đ.

- Buộc những người đã vay tiền phải nộp số tiền đã vay mà chưa trả cho bị cáo H để sung công quỹ Nhà nước, với tổng số tiền 24.871.500 đồng để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Bà Huỳnh Thuý A, phải nộp số tiền 818.000đ.

2. Bà Vũ Thị M, phải nộp số tiền 4.071.300đ.

3. Bà Nguyễn Thị T, phải nộp số tiền 1.000.000đ.

4. Bà Phan Thị H, phải nộp số tiền 2.318.000đ.

5. Bà Lại Thị L, phải nộp số tiền số tiền 2.227.300đ.

6. Bà Đặng Thị Thảo T, phải nộp số tiền 3.700.000đ.

7. Bà Trần Thị L, phải nộp số tiền 4.000.000đ

8 Bà Nguyễn Thị Kim Đ, phải nộp số tiền 4.666.700đ.

9. Bà Trần Thị L2, số tiền 2.070.200đ.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03, màu xanh, số IMEI 1: 353976315819338; IMEI 2: 354550375819337

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 034****009 số seri 8984048000016762675; gắn thẻ sim mạng Mobiphone, số thuê bao 093****001 số seri 8401180833468444.

- Đối với 01 (một) cuốn sổ nhãn hiệu “A Thành Đạt” phong nền màu đỏ chữ màu trắng trên bìa có dòng chữ Hello bên trong có ghi tên người vay, số tiền vay và những con số thể hiện nội dung việc cho nhiều người vay tiền là tài liệu của vụ án, cần tiếp tục lưu theo hồ sơ.

* Trong quá trình điều tra, bị cáo còn khai nhận có cho một số người nhắn tin qua messenger vay tiền và một số người cho vay có ghi trong sổ như Mai, Úc,

bà Thoan... Tuy nhiên, thông tin về nhân thân, lai lịch và địa chỉ cư trú của những người vay này không rõ ràng nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành làm việc và xác minh được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[7] Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trương Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; phân trách nhiệm hình sự; phần xử lý vật chứng là có căn cứ đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh và hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Thị H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 20/4/2022 là 6 ngày bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trương Thị H còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt, tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Ea Kar nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trương Thị H cho UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục người bị kết án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người bị cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

- Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Thị H số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo H phải nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[2.1]. Tuyên truy thu buộc bị cáo Trương Thị H phải nộp tổng số tiền là 178.461.100đ (một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn một trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Trong đó: Số tiền vay đã thu được là 175.128.500 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 3.332.600 đồng.

[2.2]. Buộc bị cáo Trương Thị H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là 43.448.600 đồng cho 15 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

1. Bà Huỳnh Thuý A, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn A, xã CH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 178.500đ.

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 7.173.000đ.

3. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 3.094.400đ.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn C, xã EM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 84.600đ.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 23.724.900đ.

6. Bà Phan Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 386.000đ.

7. Bà Lại Thị L, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 147.200đ.

8. Bà Đặng Thị Thảo T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 2.153.500đ.

9. Bà Trần Thị L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 1A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 1.260.800đ

10. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, huyện E tỉnh Đắk Lắk, số tiền 3.009.200đ.

11. Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 352.000đ.

12. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 737.100đ.

13. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Buôn M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 88.000đ.

14. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 1.017.600đ.

15 Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 41.800đ.

[2.3]. Buộc những người có tên dưới đây phải nộp số tiền nợ gốc còn lại chưa trả bị cáo Trương Thị H để sung vào ngân sách nhà nước cụ thể:

1. Bà Huỳnh Thuý A, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn A, xã CH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 818.000đ.

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 4.071.300đ.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 1.000.000đ.

4. Bà Phan Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 2.318.000đ.

5 Bà Lại Thị L, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 2.227.300đ.

6. Bà Đặng Thị Thảo T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 3.700.000đ.

7. Bà Trần Thị L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 4.000.000đ

8 Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã EM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 4.666.700đ.

9. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 2.070.200đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03, màu xanh, số IMEI 1: 353976315819338; IMEI 2: 354550375819337;

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 034*****009 số seri 8984048000016762675; gắn thẻ sim mạng Mobiphone, số thuê bao 093*****001 số seri 8401180833468444.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 20/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk).

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Thị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Công an huyện E;
- Cơ quan THA Hình sự huyện K;
- Bị cáo ;Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Mai